CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 1

Ngày 31/03/2024	22,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.0%	**23.9%**	**47.7%**

DT thuần
Q1/24
78.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼147| -65.3%
YoY: ▼18.3| -19.0%

LN thuần
Q1/24
18.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.5| -42.1%
YoY: ▼9.50| -33.9%

LN sau thuế
Q1/24
14.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.00| -32.7%
YoY: ▼7.70| -34.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
33.0%
YoY: +/-▲ 13.8%

ROE (TTM)
Q1/24
19.7%
YoY: +/-▼ 2.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,000 - 23,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	595
Số lượng CPLH (CP)	26,691,319
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,535
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.20
EPS	2,546
P/E	8.8

DT thuần
2023
533
tỷ VNĐ
YoY: ▼111| -17.2%

LN thuần
2023
96.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼56.4| -36.9%

LN sau thuế
2023
68.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼52.2| -43.1%

Cơ cấu sở hữu

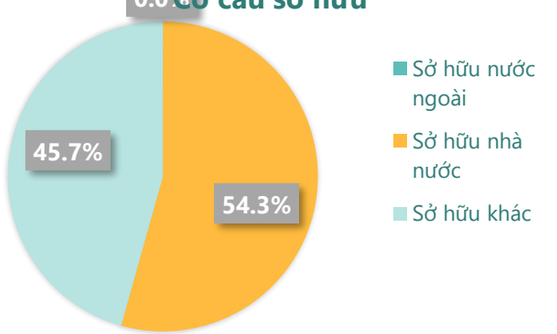

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

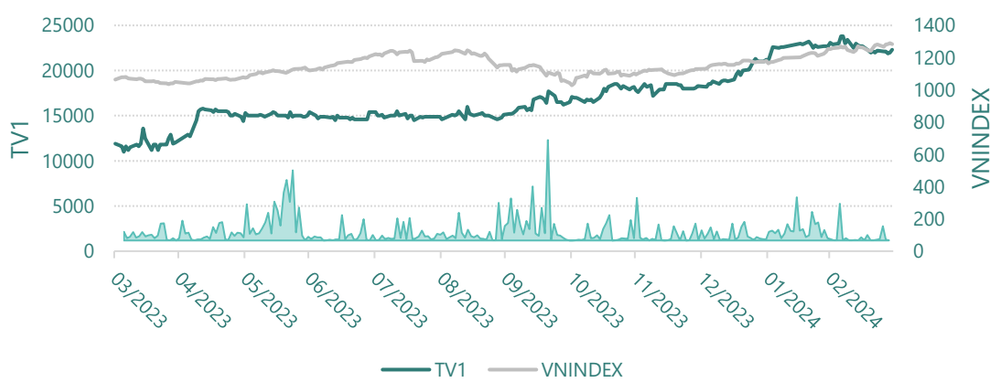

Cơ cấu cổ đông

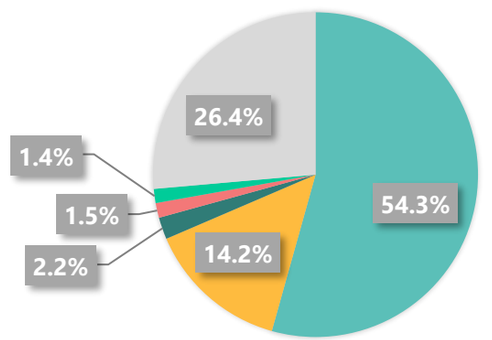

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Lê Minh Hà
Vũ Thị Thanh Hương
Nguyễn Thị Lượt
Đỗ Việt Khoa (Phó Tổng giám đốc)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

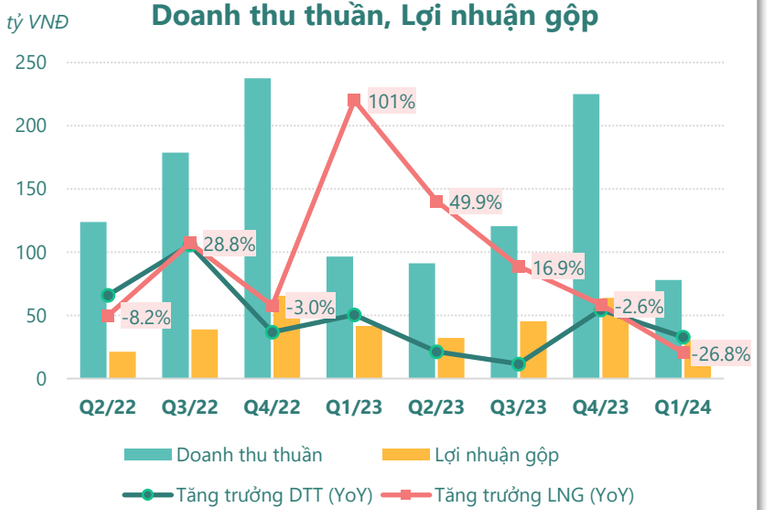

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

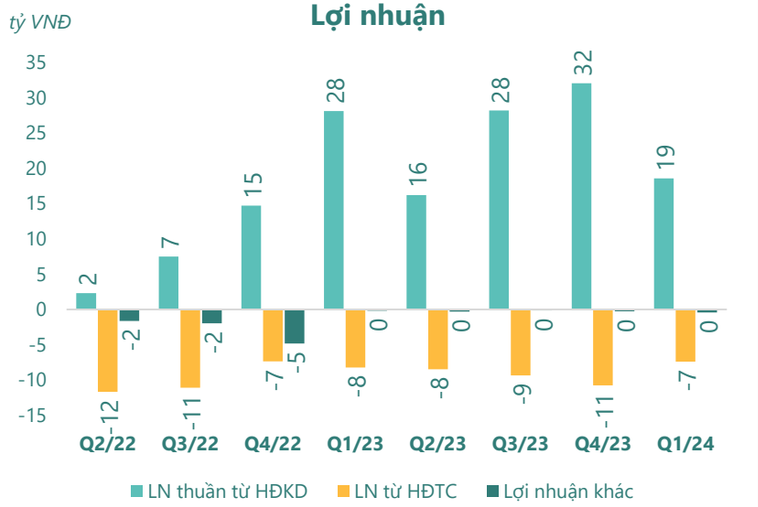

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

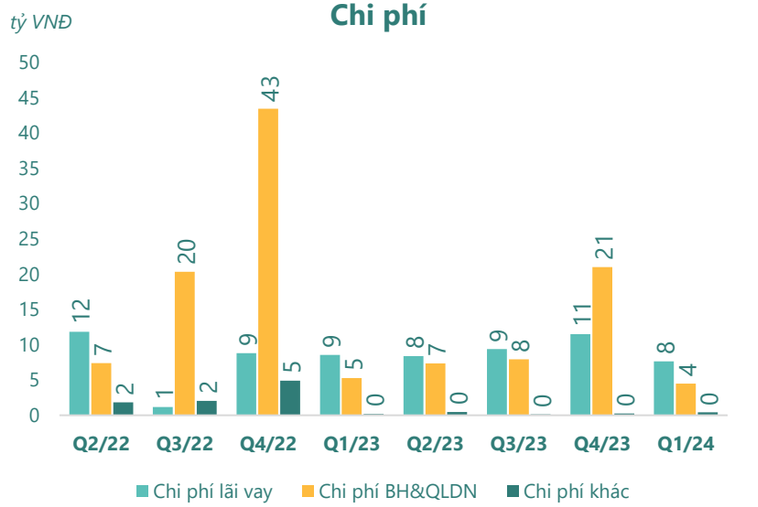

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

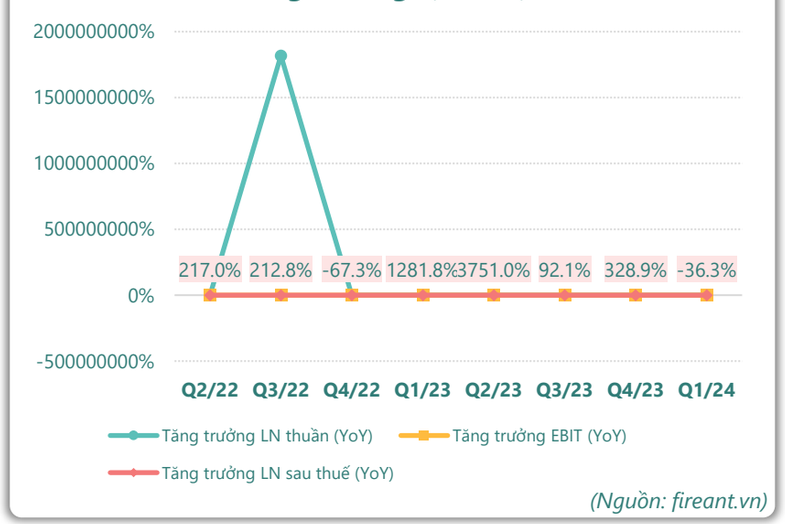

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

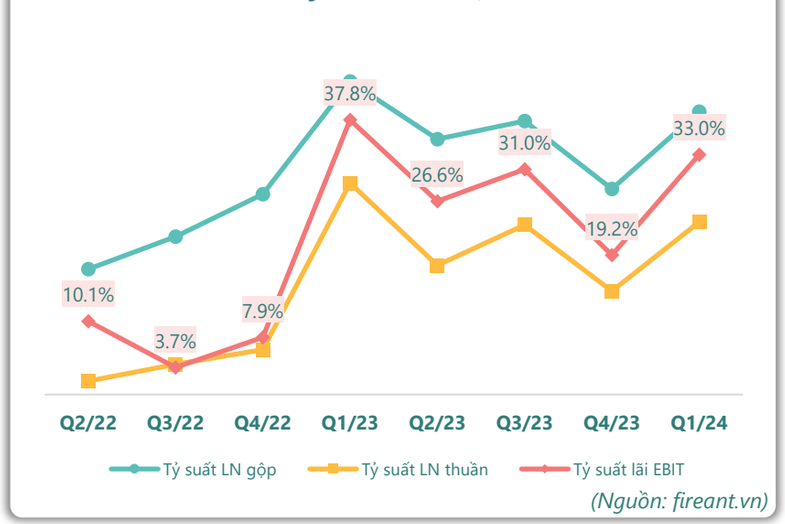

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

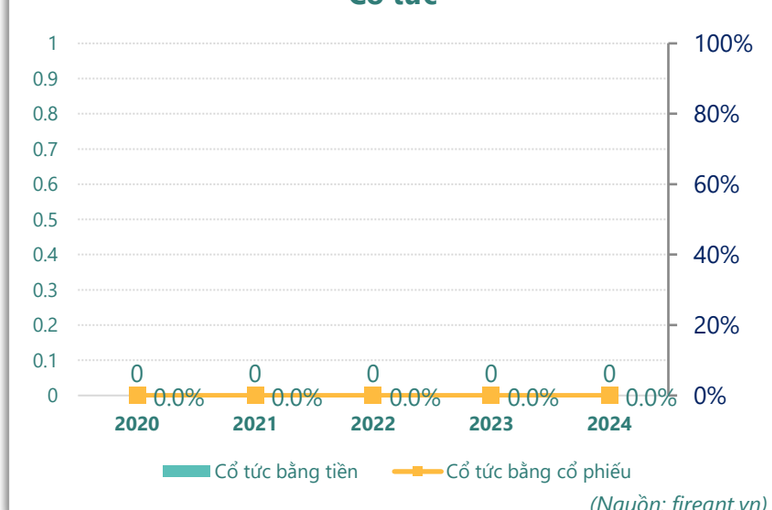

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

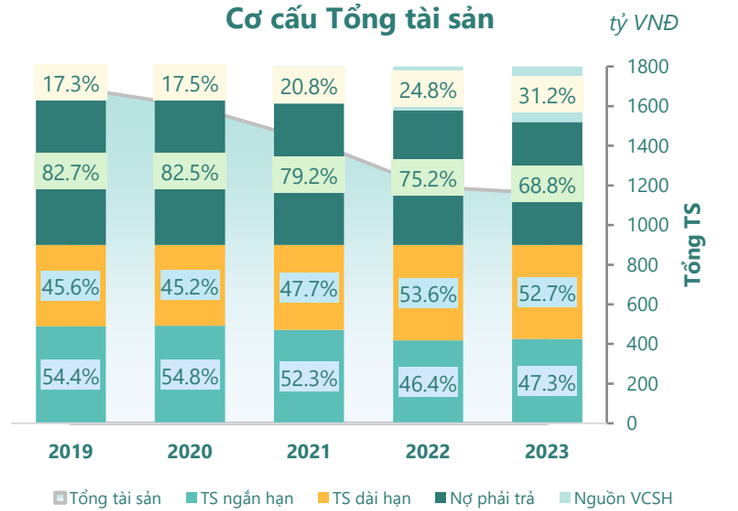

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

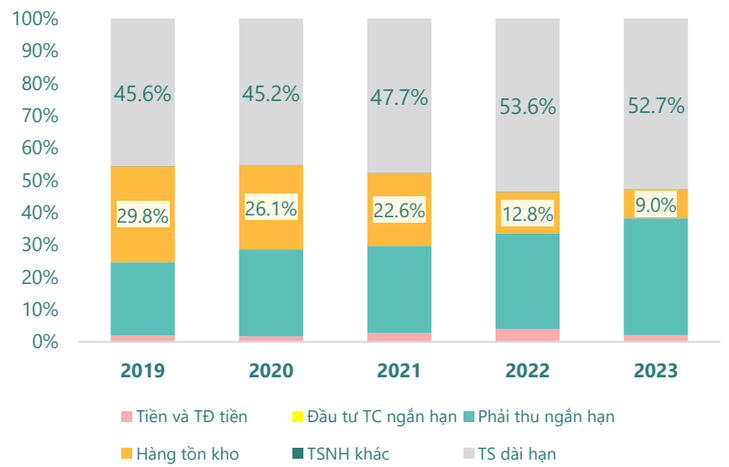

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

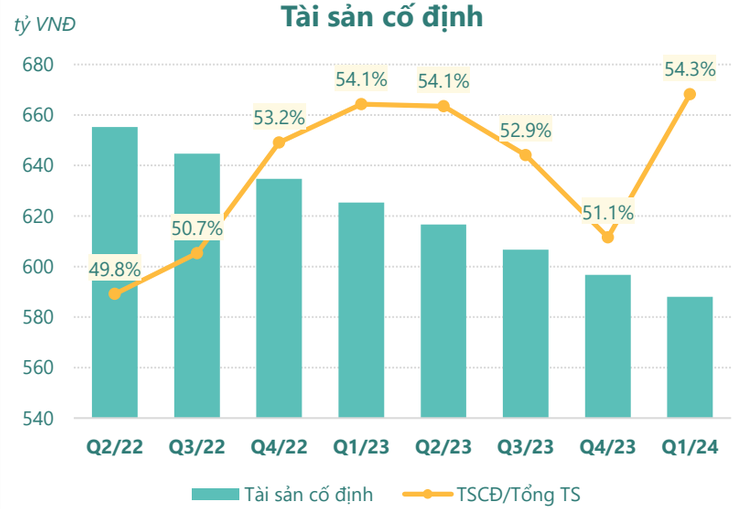

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

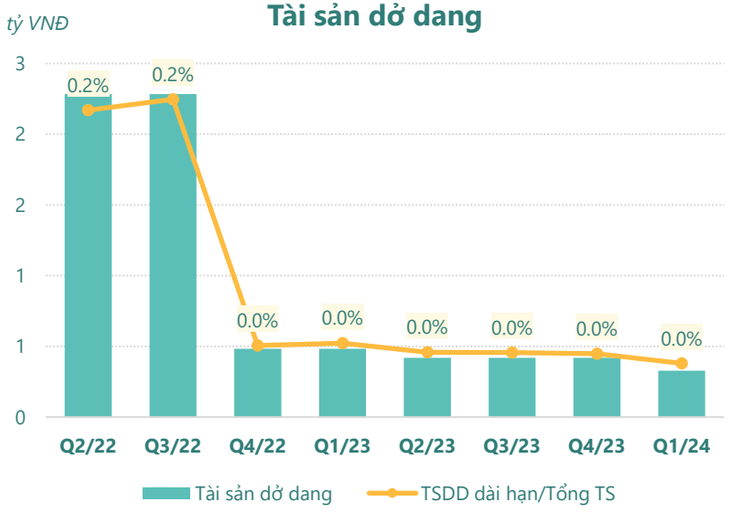

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

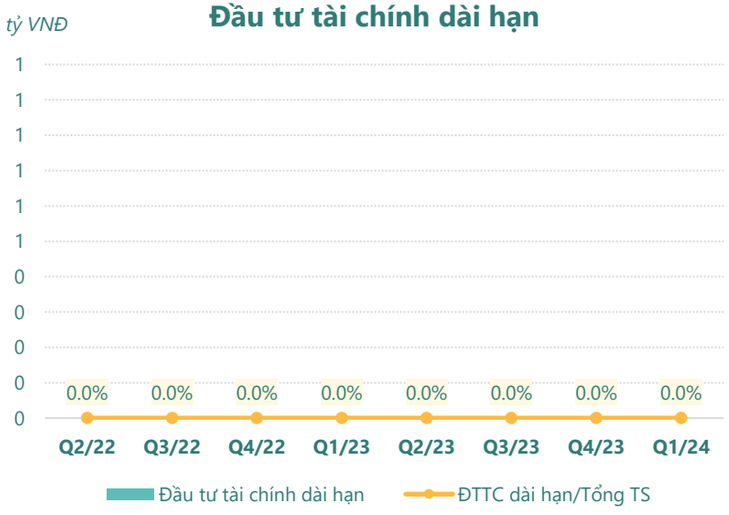

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

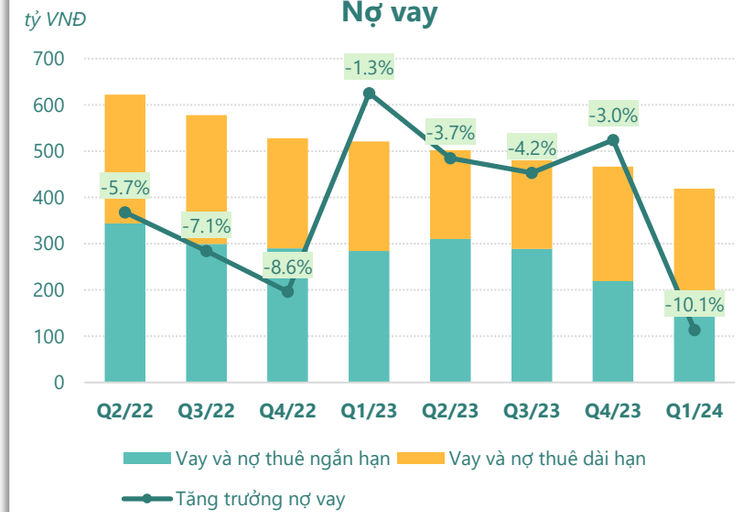

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

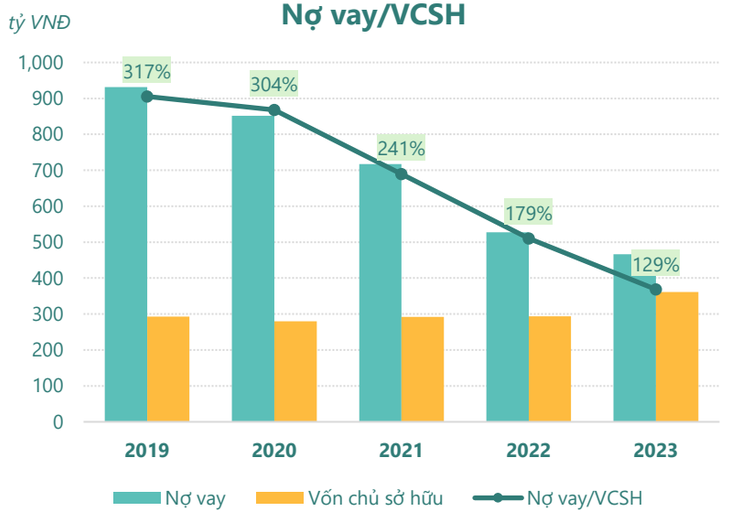

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

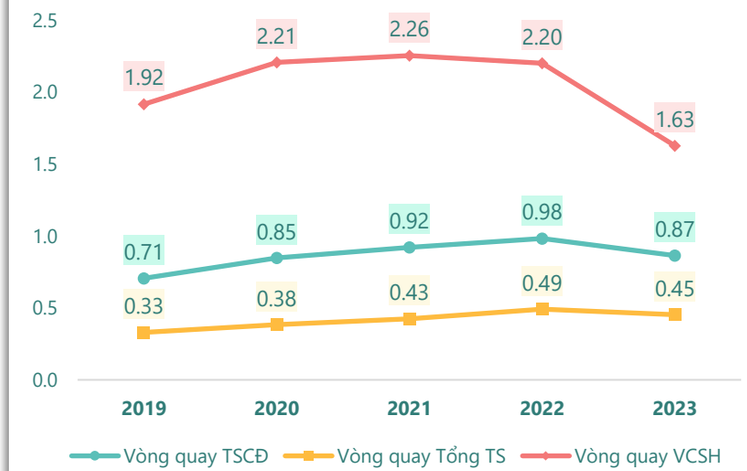

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

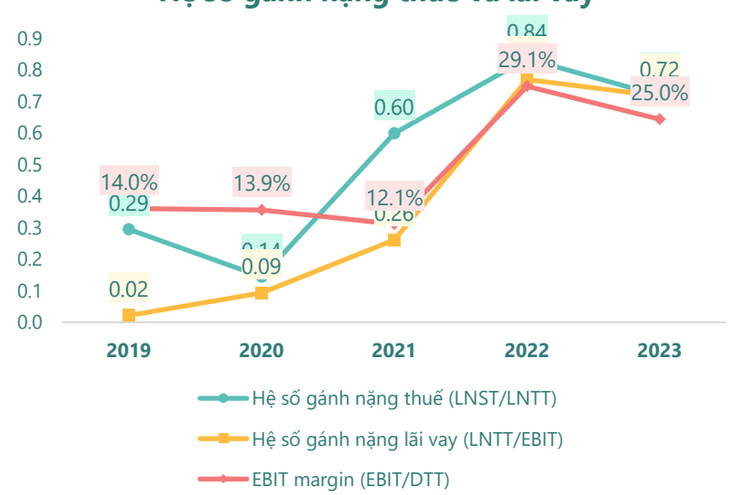

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

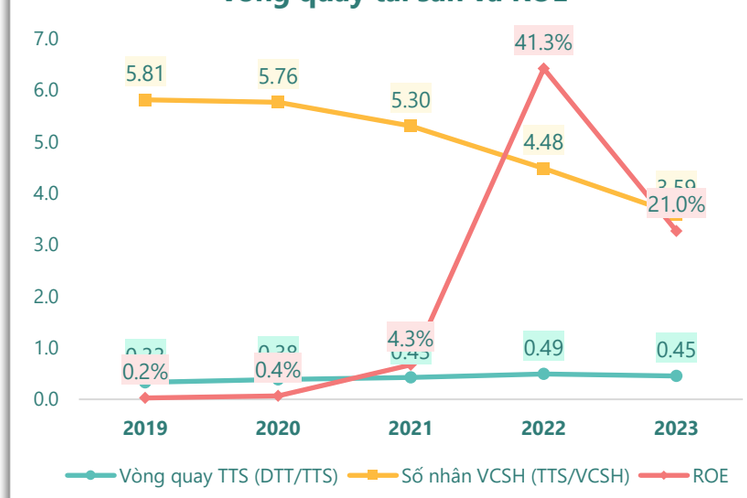

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

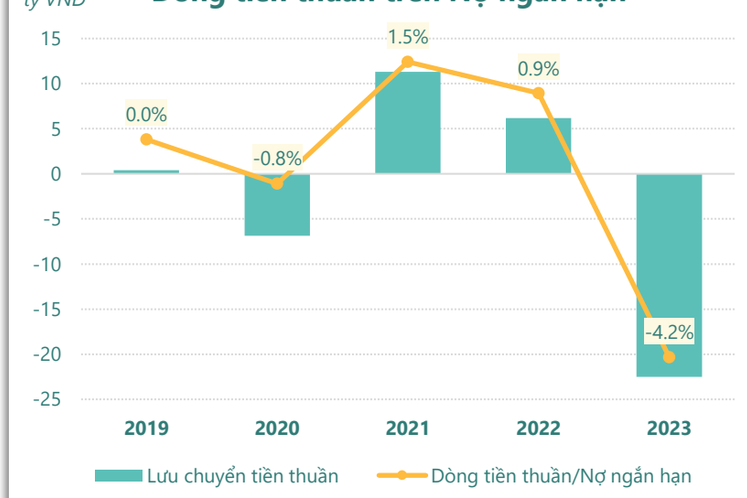

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**78.1**	**96.4**	**-19.0%**	**533**	**644**	**-17.2%**
Giá vốn hàng bán	47.6	54.8	-13.1%	358	383	-6.5%
Lợi nhuận gộp	30.4	41.6	-26.8%	176	262	-32.9%
Doanh thu HĐTC	0.24	0.38	-35.7%	1.24	1.95	-36.4%
Chi phí TC	7.65	8.60	-11.1%	38.0	43.3	-12.1%
Chi phí lãi vay	7.64	8.55	-10.6%	37.8	43.2	-12.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.03	0.00		0.51	1.91	-73.1%
Chi phí QLDN	**4.45**	**5.27**	**-15.6%**	**41.6**	**65.4**	**-36.4%**
LN thuần từ HĐKD	18.6	28.1	-33.9%	96.6	153	-36.9%
Lợi nhuận khác	**-0.41**	**-0.16**	**-155%**	**-0.96**	**-8.64**	**88.9%**
LN trước thuế	18.2	27.9	-34.9%	95.7	144	-33.7%
Lợi nhuận sau thuế	**14.5**	**22.2**	**-34.8%**	**68.8**	**121**	**-43.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.5**	**22.2**	**-34.8%**	**68.8**	**121**	**-43.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.6	0.91	2.82	25.2	51.2	48.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.40	-0.62	-1.18	0.38	-0.04	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-54.6	-11.1	-14.8	-29.2	-46.1	-48.5
Tiền đầu kỳ	52.6	46.1	35.3	22.1	18.5	23.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.57**	**-10.8**	**-13.2**	**-3.57**	**5.05**	**-0.08**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.01	0	0.01	0	0.26	0
Tiền cuối kỳ	46.1	35.3	22.1	18.5	23.8	23.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,082**	**1,160**	**-6.7%**
Tài sản ngắn hạn	480	548	-12.4%
Tiền và tương đương tiền	23.7	23.8	-0.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	348	420	-17.1%
Hàng tồn kho	108	104	3.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.77	0.92	-17.0%
Tài sản dài hạn	**602**	**612**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	588	598	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.33	0.33	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**14.0**	**13.8**	**1.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	707	799	-11.5%
Nợ ngắn hạn	**450**	**538**	**-16.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	162	205	-21.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	53.8	62.5	-13.9%
Nợ dài hạn	257	261	-1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	257	261	-1.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**376**	**361**	**4.0%**
Vốn chủ sở hữu	**376**	**361**	**4.0%**
Vốn điều lệ	267	267	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.11**	**0.11**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)